

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1352/TTr-SNV ngày 20/11/2025 và Công văn số 7083/SNV-CCHC&VTLT ngày 01/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoài Anh

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, phát triển.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng kiến tạo, phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm phục vụ; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng để thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

3. Bám sát các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương, chính sách, pháp luật của Nhà nước để chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, gắn với chuyển đổi số nhằm xây dựng chính quyền số, xã hội số, công dân số. Nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, khả thi, trên cơ sở kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được và đổi mới, sáng tạo phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hoàn thiện hệ thống thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, uy tín, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của tỉnh; đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển thị trường khoa học công nghệ, thu hút mọi nguồn lực cho phát triển. Đến năm 2030, hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại; hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về các chỉ số: Phân đầu hàng năm thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

2.2. Về cải cách thể chế

- Tập trung cải cách thể chế theo hướng phân quyền, giao trách nhiệm cho các cấp, các ngành. Xác định rõ cải cách thể chế để xóa bỏ những “nút thắt”, “rào cản”, tạo động lực mới cho sự phát triển.

- 100% các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời, được ban hành đúng quy trình, đồng bộ và thống nhất với hệ thống pháp luật của Trung ương; 100% các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh được tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến các ngành, các cấp, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh.

2.3. Về cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Tập trung rà soát, cắt giảm hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm TTHC, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

- Phân đầu 100% TTHC của tỉnh có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình, một phần và được số hóa kết quả giải quyết.

- 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; trong đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 60% vào năm 2027 và đạt tối thiểu 70% vào năm 2030.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 97%; trong đó mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 92%.

2.4. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước theo hướng giảm đầu mối của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; giảm mạnh đầu mối các tổ chức trung gian. Hoàn thành sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

- Đẩy mạnh tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, theo ngành, lĩnh vực phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng địa bàn; đến năm 2030, đảm bảo biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện theo số biên chế được Trung ương giao.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

2.5. Về cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Bố trí cán bộ theo hướng “lựa chọn đúng người, giao đúng việc, phát huy sở trường, nâng cao năng lực, tận tâm cống hiến và biết hi sinh”.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức các cấp đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được chuẩn hóa về lý luận chính trị.

- Xây dựng văn hóa giải trình trong hoạt động công vụ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, chủ động ngăn chặn “từ sớm, từ xa” sai phạm nhỏ tích tụ thành khuyết điểm lớn.

2.6. Về cải cách tài chính công

- Hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2030, giảm tối thiểu 12,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, không có nguồn thu sự nghiệp) so với giai đoạn 2021 - 2025.

- Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 đạt 840 nghìn tỷ đồng trở lên.

- Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 7% trở lên.

2.7. Về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo đột phá trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu đáp ứng kết nối, chia sẻ thông suốt từ trung ương đến địa phương, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Đổi mới, ưu tiên bố trí nguồn lực rà soát, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách của tỉnh theo hướng chuyển từ tư duy quản lý sang kiến tạo, phục vụ, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, dễ thực hiện, có tính đột phá vừa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích đổi mới, sáng tạo; tháo gỡ điểm nghẽn, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững, tập trung trong các lĩnh vực: thu hút đầu tư; đất đai; tài nguyên; khoáng sản; nông nghiệp; bảo vệ môi trường; khoa học và công nghệ; chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; tài chính ngân sách; thuế; hải quan; bảo hiểm; quản lý thị trường; y tế; giáo dục; an sinh xã hội; sắp xếp nhà, đất; phân cấp, uỷ quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ;...

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong đó chú trọng tới việc dự báo các chính sách, đảm bảo tính khả thi trong việc ban hành văn bản để các quy định pháp luật thực sự đi vào cuộc sống, thiết lập môi trường pháp lý bình đẳng, trong sạch, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Thường xuyên kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý.

- Kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

- Thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; đa dạng hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật trên môi trường số.

- Triển khai có hiệu quả Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030” trên địa bàn tỉnh.

2. Cải cách TTHC

- Tạo đột phá về cải cách TTHC, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hành động vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC cho nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, đầu tư, môi trường, bảo hiểm, thuế, hải quan, chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế,

khoa học công nghệ, việc làm...; đặc biệt các TTHC thuộc các lĩnh vực có số lượng, tần suất giao dịch, phát sinh lớn.

- Rà soát, đơn giản hóa TTHC:

+ Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện đề đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, đơn giản hóa hoặc bãi bỏ những TTHC không cần thiết, không hợp lý; cắt giảm, đơn giản giảm các mẫu đơn, mẫu tờ khai và các giấy tờ không cần thiết đã được tích hợp thông tin trên các cơ sở dữ liệu Quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không hợp lý, bảo đảm thực chất, hiệu quả.

+ Rà soát, hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình liên thông, quy trình điện tử giải quyết đối với từng TTHC, đảm bảo rõ thời gian, rõ trách nhiệm của cơ quan và trong từng bước của quy trình giải quyết TTHC.

- Tập trung chỉ đạo, khẩn trương tiếp nhận, phân luồng, giải quyết ngay các hồ sơ công việc theo cơ chế ưu tiên “làn xanh” nhằm rút ngắn tối đa thời gian xử lý, đảm bảo không chậm trễ, không quá hạn, hỗ trợ tối đa cho người dân, doanh nghiệp đối với các nhóm hồ sơ, TTHC ưu tiên phân luồng giải quyết trong các lĩnh vực: đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, kinh doanh bất động sản, đất đai, lâm nghiệp, khoáng sản, lao động, việc làm,...

- Tăng cường phân cấp, ủy quyền triệt để cho các cơ quan, đơn vị, giảm thiểu các bước trung gian, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh; tập trung vào các lĩnh vực có tác động trực tiếp, lan tỏa, tỷ trọng đóng góp lớn vào tăng trưởng. Đảm bảo các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và đổi mới sáng tạo được triển khai đồng bộ, hiệu quả, mạnh mẽ, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030.

- Thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị. Bảo đảm trên 98% hồ sơ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp được giải quyết trước và đúng hạn; nghiêm túc thực hiện việc công khai xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn; tăng tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết trực tuyến; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu từ 50% trở lên và tăng dần theo từng năm.

- Đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã phù hợp với lộ trình, yêu cầu xây dựng chính quyền số. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp tìm hiểu và thực

hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tích hợp, liên thông dữ liệu với các Bộ, ngành Trung ương khi có đủ điều kiện thực hiện, đảm bảo thông tin của bộ, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC; đẩy mạnh việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC để làm giàu kho dữ liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin đã có, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC. Nâng cao tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá đạt từ 80% trở lên.

- Nâng cao hiệu quả giải quyết phản ánh, kiến nghị cho người dân, doanh nghiệp; chia sẻ công khai kết quả giải quyết phản ánh kiến nghị trên Hệ thống Phản hồi Thanh Hóa, Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính phải thực hiện, những công việc cần phân cấp cho địa phương, cấp dưới thực hiện; công việc cần chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của UBND các cấp theo hướng sâu sát, cụ thể, “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ thời gian hoàn thành và rõ hiệu quả”, “một việc, một đầu mối xuyên suốt”.

- Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước, giảm hợp lý đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính. Gắn sắp xếp tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

- Thực hiện quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định.

- Nghiên cứu, thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã, công tác quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế; chú trọng thực hiện kiểm tra, đánh giá kết

quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã.

- Đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và hoạt động để nâng cao năng lực quản trị trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập và cơ cấu tổ chức bên trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý. Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế, giáo dục. Thường xuyên khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập.

- Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số; tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ. Thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Xây dựng và áp dụng Chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm; trong đó ưu tiên đào tạo các lĩnh vực: khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm, nhất là các hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, chậm giải trình, giải trình không trung thực.

5. Cải cách tài chính công

- Đa dạng hoá các hình thức đầu tư, nhất là đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách. Bố trí, sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả đầu tư công để phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

- Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý ngân sách, quản lý tài sản công, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai thực hiện hiệu quả, thực chất chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính công từ cấp tỉnh đến cơ sở; nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ tài chính đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của tư nhân, hợp tác công tư trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao.

- Tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, nhất là khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, liên kết vùng để nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu, khai thác các nguồn thu mới, các nguồn thu còn dư địa, giảm sự phụ thuộc vào nguồn thu từ tiền sử dụng đất; quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tiết kiệm chi thường xuyên để bố trí cho đầu tư phát triển.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Tiến tới chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tại các cơ quan đơn vị, địa phương; thực hiện phân tách giữa các cấp ngân sách theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tổ chức thực hiện, hoàn thiện môi trường pháp lý:

+ Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của

Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các kế hoạch, chương trình của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

+ Tiếp tục rà soát, xây dựng, cập nhật, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, đặc biệt là tái cấu trúc, đổi mới mô hình, quy trình hoạt động kết hợp với áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Rà soát, cập nhật, hoàn thiện kiến trúc số tỉnh Thanh Hóa, các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các hệ thống thông tin; kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số phù hợp với định hướng, chiến lược quốc gia.

- Phát triển hạ tầng số:

+ Hoàn thành việc nâng cấp mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương 2 cấp.

+ Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và triển khai các biện pháp về an toàn, an ninh thông tin để thực hiện tích hợp các phần mềm dùng chung của tỉnh được hoạt động an toàn, thông suốt và ổn định.

- Phát triển nền tảng số:

+ Duy trì các nền tảng, hệ thống cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phát triển, duy trì các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ chính quyền số trong nội bộ của tỉnh.

+ Ứng dụng công nghệ số mới như: điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ, chính quyền điện tử tại các sở, ngành, địa phương trong tỉnh.

- Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Phát triển, chuẩn hoá, hoàn thiện, cập nhật, đưa vào sử dụng các cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành, kết nối, tích hợp với các Cơ sở dữ liệu Quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ ngành Trung ương (dữ liệu hạ tầng đô thị; dữ liệu hệ thống thông tin địa lý GIS; dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức; dữ liệu lưu trữ điện tử; dữ liệu đất đai; dữ liệu giám sát môi trường; dữ liệu hộ tịch...).

+ Xây dựng kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp; triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị; đảm bảo 100% các văn bản, tài liệu của cơ quan nhà nước các cấp (trừ văn bản mật) được trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử.

+ Phát triển ứng dụng, dịch vụ chính quyền số trong nội bộ các cơ quan, đơn vị; chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các sở với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Hoàn thành cập nhật, tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi đến người dân.

+ Phối hợp triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, góp ý, phản biện, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

+ Xây dựng, phát triển các tiện ích thông minh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết hồ sơ TTHC.

- Phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số:

+ Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, lãnh đạo các hội, hiệp hội, doanh nghiệp; đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, phân tích dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

+ Phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ công tác tham mưu, tư vấn, quản lý, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung và hệ thống thông tin của các ngành, lĩnh vực.

+ Tăng cường thu hút chuyên gia công nghệ số, nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao, các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn đến đầu tư, làm việc tại tỉnh Thanh Hoá; ưu tiên tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, điện toán đám mây, an toàn thông tin...

- Tiếp tục áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các giải pháp thực hiện

- Thực thi đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm với việc đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị, trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ. Xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, là thước đo bản lĩnh, đạo đức, năng lực và tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

- Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND xã, phường chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch này trong phạm vi, lĩnh vực quản lý; xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị, phân công rõ trách nhiệm thực hiện của từng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cao trách nhiệm, năng lực tham mưu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; của cơ quan, bộ phận thường trực cải cách hành chính và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp để tạo sự đồng thuận, chấp hành và giám sát thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của cơ quan hành chính, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với công tác thi đua, khen thưởng trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Thực hiện các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, đồng thời có cơ chế xử lý, loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với Nhân dân.

- Đổi mới phương pháp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số để theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức; tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, trong đó chú trọng kiểm tra công vụ, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực tài chính để triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra.

2. Kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác cải cách hành chính được bố trí trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

- Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai Kế hoạch này.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Giám đốc các sở, Trưởng ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm:

- Căn cứ vào mục tiêu, chỉ tiêu, điều kiện cụ thể của địa phương và nội dung Kế hoạch này, chủ động quán triệt, cụ thể hóa và xây dựng Chương trình, Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ được giao; tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, thời gian, chất lượng theo yêu cầu. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) về tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung cải cách hành chính nêu tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, dự toán kinh phí trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai theo quy định; kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ, Sở Tài chính) những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền.

- Triển khai hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch, lập dự toán ngân sách cải cách hành chính hàng năm. Đồng thời đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ.

- Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát TTHC theo quy định của pháp luật.

b) Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì tham mưu, triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ.

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này và các nội dung liên quan đến đánh giá Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX) và Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); tổng hợp, báo cáo kết quả Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI); xây dựng,

sửa đổi, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng công tác cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành, địa phương phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và yêu cầu nhiệm vụ.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch, báo cáo cải cách hành chính theo quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

- Kiểm tra, tổng hợp kết quả việc thực hiện cải cách hành chính và kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ; tham mưu công tác sơ kết, tổng kết; tăng cường tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

c) Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì triển khai, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kiểm soát và đơn giản hóa TTHC trên địa bàn tỉnh và tình hình thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Hệ thống phản ánh kiến nghị; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, rút ngắn thời gian thẩm tra, trình giải quyết công việc thuộc thẩm quyền; theo dõi, đôn đốc các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã trong việc thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định, TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

d) Sở Tư pháp

Chủ trì triển khai, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp nội dung cải cách thể chế; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Tài chính

- Chủ trì triển khai, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp nội dung cải cách tài chính công.

- Chủ trì tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm của các sở, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu các giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

e) Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì triển khai, theo dõi, đôn đốc tổng hợp nội dung xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin (máy chủ, mạng, phần mềm nội bộ...) đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu các giải pháp nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của tỉnh.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

g) Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa, Cổng thông tin điện tử tỉnh; Đài truyền thanh các xã, phường; các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh: Xây dựng các chuyên mục, chuyên trang về công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp. Tuyên truyền, khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện cải cách hành chính, nhất là việc giám sát, phản ánh về hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực và đánh giá chất lượng giải quyết TTHC tại các cơ quan hành chính nhà nước.

Trên đây là Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2026 - 2030, yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, hướng dẫn hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

Phụ lục

**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

TT	Nội dung thực hiện	Sản phẩm/Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Cải cách thể chế				
1.	Rà soát, hoàn thiện văn bản QPPL trong các lĩnh vực: thu hút đầu tư; đất đai; tài nguyên; khoáng sản; nông nghiệp; bảo vệ môi trường; khoa học và công nghệ; chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân; tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; tài chính ngân sách; thuế; hải quan; bảo hiểm; quản lý thị trường; y tế; giáo dục; an sinh xã hội; sắp xếp nhà, đất; thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ;...	- Nghị quyết của HĐND. - Quyết định của UBND, Chủ tịch UBND các cấp.	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Sở Tư pháp.	- Thường xuyên.
2.	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL.	- Kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Tư pháp. - UBND cấp xã.	- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh. - Các cơ quan, đơn vị liên quan.	- Kế hoạch: hàng năm. - Báo cáo kết quả thực hiện: theo quy định, hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Sở Tư

					pháp.
3.	Kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.	- Kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Tư pháp	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Hàng năm.
4.	Ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn thi hành Luật, Pháp lệnh, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các bộ, ngành theo chỉ đạo của UBND tỉnh.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Sở Tư pháp. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Sau khi có văn bản của Trung ương.
5.	Phối hợp với bộ, ngành, Trung ương điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	- Sở Tài chính.	- Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Năm 2026
6.	Triển khai có hiệu quả Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện.	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Sở Tư pháp.	Theo lộ trình Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh.

II	Cải cách thủ tục hành chính				
7.	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm.	- Kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Các cơ quan, đơn vị liên quan.	- Thường xuyên.
8.	Nghiên cứu, đề xuất, triển khai các mô hình hay, cách làm mới nhằm nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, người dân và doanh nghiệp.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Thường xuyên.
9.	Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và TTHC trên môi trường điện tử.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Các cơ quan, đơn vị liên quan.	- Thường xuyên.
10.	Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC tại các dự án, dự thảo văn bản QPPL có chứa quy định về TTHC.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Tư pháp.	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Thường xuyên.
11.	Công bố, công khai đầy đủ, kịp thời TTHC, TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết.	- Quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC, TTHC	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan,	- Thường xuyên.

		nội bộ của Chủ tịch UBND tỉnh. - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hằng quý, năm.	- UBND cấp xã.	đơn vị liên quan.	
12.	Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện đề đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền: sửa đổi, đơn giản hóa hoặc bãi bỏ những TTHC không cần thiết, không hợp lý; cắt giảm, đơn giản hóa các mẫu đơn, mẫu tờ khai và các giấy tờ không cần thiết đã được tích hợp thông tin trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không hợp lý, bảo đảm thực chất, hiệu quả.	- Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC. - Báo cáo kết quả rà soát, đơn giản hóa gửi các bộ quản lý chuyên ngành.	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.	- Các cơ quan, đơn vị có liên quan. - UBND cấp xã.	- Thường xuyên.
13.	Tăng cường ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC; đẩy mạnh việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC để làm giàu kho dữ liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp không phải cung cấp lại các thông tin đã có..., gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC. Nâng cao tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt	- Báo cáo kết quả thực hiện.	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Thường xuyên.

	từ 80% trở lên.				
14.	Tiếp tục đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng DVC quốc gia.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hằng quý, năm.	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Văn phòng UBND tỉnh.	- Thường xuyên.
15.	100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu từ 50% trở lên và tăng dần theo từng năm.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hằng quý, năm.	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Thường xuyên.
16.	100% TTHC đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.	- Quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh. - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hằng quý, năm. - Quyết định ban hành Danh mục TTHC thực hiện DVC trực tuyến	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Thường xuyên.

		toàn trình.			
17.	Thường xuyên thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hằng quý, năm.	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Thường xuyên.
18.	Tiếp tục thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.	- Báo cáo kết quả thực hiện: định kỳ hằng tháng.	- Tổ công tác Đề án 06. - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
19.	Nâng cao hiệu quả giải quyết phản ánh, kiến nghị cho người dân, doanh nghiệp; chia sẻ công khai kết quả giải quyết phản ánh kiến nghị trên Hệ thống Phản hồi Thanh Hóa, Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hằng quý, năm.	- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Thường xuyên.
20.	Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách TTHC: + Ký kết hợp đồng tuyên truyền với các cơ quan báo, đài tập trung tuyên truyền về đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến triển khai Đề án 06 của Chính phủ... + Thiết lập và phát triển các trang (tài	- Sản xuất các nội dung tin, bài, phóng sự, đối thoại tuyên truyền, chia sẻ kinh nghiệm; sản phẩm tin bài, ảnh, đồ họa, video, clip tuyên truyền	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Các cơ quan thông tấn báo chí trong và ngoài tỉnh.	- Thường xuyên.

	khoản/kênh) trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến, kết nối đa kênh, đa nền tảng để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. + Truyền thông về việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; thanh toán trực tuyến; nộp thuế đất điện tử	trực quan như hướng dẫn thao tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tuyên truyền các chính sách đẩy mạnh dịch vụ công; vai trò ý nghĩa của dịch vụ công.			
21.	Kiểm tra công tác thực hiện cơ chế một cửa, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, cải cách thủ tục hành chính (hoặc Đề án 06, hoặc chuyển đổi số...)	- Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc Thông báo kiểm tra đột xuất. - Thông báo kết quả kiểm tra.	- Văn phòng UBND tỉnh.	- Công an tỉnh. - Sở Nội vụ. - Sở Khoa học và Công nghệ.	- Theo Kế hoạch hằng năm hoặc đột xuất.
22.	Rà soát, hoàn thiện bộ quy trình nội bộ, quy trình liên thông, quy trình điện tử giải quyết đối với từng TTHC, đảm bảo rõ thời gian, rõ trách nhiệm của cơ quan, từng bước của quy trình giải quyết TTHC.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Văn phòng UBND tỉnh.	- Thường xuyên.
III	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước				
23.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức,	- Quyết định của cơ quan có thẩm	- Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp	- Bắt đầu từ Quý I/2026.

	viên chức thuộc UBND tỉnh quản lý.	quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.		tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	
24.	Xây dựng Kế hoạch biên chế khối chính quyền tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2026 -2030.	- Kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Kế hoạch: Sau khi có hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ. - Báo cáo kết quả: định kỳ hằng năm.
25.	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn các cấp.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
26.	Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập và cơ cấu tổ chức bên trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý.	- Đề án trình cơ quan có thẩm quyền. - Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Nội vụ	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Theo hướng dẫn của Trung ương và Kế hoạch của UBND tỉnh.
27.	Nghiên cứu, xây dựng đề án thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt	- Đề án trình cơ quan có thẩm quyền.	- UBND xã, phường.	- Sở Nội vụ. - Các cơ quan, đơn vị có liên	- Theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

	động của thôn, tổ dân phố.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.		quan.	
28.	Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã; công tác quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế; kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã.	- Kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Thanh tra tỉnh. - Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Hằng năm.
29.	Thực hiện quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
30.	Thực hiện khảo sát đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Kế hoạch; Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thực hiện theo hướng dẫn, yêu cầu của Bộ Nội vụ hằng năm.
31.	Thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ	- Kế hoạch thực	- Sở Y tế.	- Các đơn vị sự	- Thường xuyên.

	y tế công.	hiện. - Báo cáo kết quả thực hiện.		ng nghiệp y tế. - Các cơ quan liên quan.	- Báo cáo kết quả khảo sát: tháng 12 hằng năm.
32.	Thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập.	- Kế hoạch thực hiện. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Giáo dục và Đào tạo.	- Các đơn vị sự nghiệp giáo dục. - Các cơ quan liên quan.	- Thường xuyên. - Báo cáo kết quả khảo sát: tháng 12 hằng năm.
33.	Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
IV	Cải cách chế độ công vụ				
34.	Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Sở Nội vụ	- Thường xuyên.
35.	Xây dựng và áp dụng Chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	- Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh.	- Triển khai: Bắt đầu từ Quý I/2026. - Thực hiện: hằng

	bộ, công chức.	- Kế hoạch; Báo cáo kết quả thực hiện.		- UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	năm.
36.	Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.	- Quyết định của UBND tỉnh. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Hằng năm.
37.	Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức.	- Kế hoạch thi, tuyển dụng, nâng ngạch, thăng hạng công chức viên chức. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Kế hoạch: hằng năm. - Báo cáo kết quả: ngay sau khi kết thúc kỳ thi.
38.	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao về việc thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ.	- Kế hoạch triển khai thực hiện. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thanh tra tỉnh. - Sở Nội vụ.	- Ban hành kế hoạch: chậm nhất tháng 01/2026. - Hoàn thành các nhiệm vụ: theo Kế hoạch của UBND tỉnh và Kế hoạch của cơ quan, đơn vị. - Báo cáo kết quả thực hiện: định kỳ hàng năm.

39.	Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ.	- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra. - Các thông báo, kết luận thanh tra; kiểm tra. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Thanh tra tỉnh; - Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Kế hoạch: quý I hàng năm. - Thông báo, kết luận thanh tra, kiểm tra: ngay sau cuộc kiểm tra. - Báo cáo kết quả: tháng 12 hàng năm.
V	Cải cách tài chính công				
40.	Đa dạng hoá các hình thức đầu tư, nhất là đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách. Bố trí, sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả đầu tư công để phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Tài chính.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
41.	Xây dựng kế hoạch đầu tư công hàng năm.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Tài chính	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Hằng năm.
42.	Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý ngân sách, quản lý tài sản công, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai thực hiện chương trình thực	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Tài chính.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị	- Thường xuyên.

	hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh.			có liên quan.	
43.	Tiếp tục tham mưu rà soát, điều chỉnh giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030 theo thẩm quyền.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Tài chính.	- Các đơn vị sự nghiệp công lập.	- Thực hiện theo hướng dẫn và thời gian quy định.
44.	Xây dựng Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn 2026 – 2030.	- Kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Tài chính.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - Các doanh nghiệp nhà nước.	Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2026 – 2030.
45.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Tài chính.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
46.	Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của tư nhân, hợp tác công tư trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Sở Tài chính. - Sở GDĐT. - Sở Y tế. - Sở VH-TT-DL.	- Thường xuyên.

			- Cơ quan, đơn vị có liên quan.		
47.	Tham mưu cho UBND tỉnh, HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2025 - 2030 đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành.	- Quyết định của UBND tỉnh.	- Sở Tài chính.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Quý I/2026.
48.	Tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản về quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị khi có chính sách điều chỉnh, bổ sung của cơ quan có thẩm quyền.	- Quyết định của UBND tỉnh.	- Sở Tài chính.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
49.	Hoàn thiện, sửa đổi tiêu chuẩn, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước.	- Quyết định của UBND tỉnh.	- Sở Tài chính.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Năm 2026.
50.	Kiểm tra, giám sát các quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tại các cơ quan đơn vị, địa phương	- Kế hoạch kiểm tra. - Thông báo kiểm tra. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Tài chính.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - Các đơn vị sự nghiệp công lập. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị	- Thường xuyên.

				có liên quan.	
VI	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử				
51.	Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và kế hoạch, chương trình của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - Các đơn vị sự nghiệp công lập. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Theo kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND các cấp.
52.	Rà soát, xây dựng, cập nhật, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, đặc biệt là tái cấu trúc, đổi mới mô hình, quy trình hoạt động kết hợp với áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
53.	Rà soát, cập nhật, hoàn thiện kiến trúc số tỉnh Thanh Hóa, các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các hệ thống thông tin; kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Thường xuyên.

	xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số phù hợp với định hướng, chiến lược quốc gia.	thực hiện.		- Cơ quan, đơn vị có liên quan.	
54.	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh. - Các trường đại học trên địa bàn tỉnh. - Các tổ chức, cá nhân.	Quý II/2026
55.	Hoàn thành việc nâng cấp mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương 2 cấp.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Theo Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh.
56.	Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và triển khai các biện pháp về an toàn, an ninh thông tin để thực hiện tích hợp các phần mềm dùng chung của tỉnh được hoạt động an toàn, thông suốt và ổn định.	- Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - Các đơn vị cung cấp phần mềm. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	Thường xuyên

57.	Duy trì các nền tảng, hệ thống cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phát triển, duy trì các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ chính quyền số trong nội bộ của tỉnh.	- Hoàn thiện 116 cơ sở dữ liệu Quốc gia và chuyên ngành.	- Các sở, ngành cấp tỉnh. - Công an tỉnh.	- UBND cấp xã.	- Thường xuyên.
58.	Xây dựng kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp; triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Từ năm 2026.
59.	Ứng dụng công nghệ số mới như: điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ, Chính quyền điện tử tại các sở, ngành, địa phương.	- Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Từ năm 2026.
60.	Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định	- Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan	- Thường xuyên.

	và hiệu quả.				
61.	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.	- Hệ thống thông tin.	- Văn phòng UBND tỉnh.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Theo tiến độ tại Kế hoạch số 232/KH UBND ngày 22/11/2024.
62.	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	- Báo cáo kết quả thực hiện.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Sở Nội vụ	- Thường xuyên.
63.	Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để đáp ứng yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh; kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia để trở thành điểm “một cửa số” duy nhất cung cấp dịch vụ công trực tuyến của quốc gia để phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Hoàn thành cập nhật, tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi đến người dân.	- Báo cáo kết quả thực hiện	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã.	- Thường xuyên.

64.	Phối hợp để triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, góp ý, phản biện, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.	- Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Từ năm 2026.
65.	Xây dựng, phát triển các tiện ích thông minh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.	- Báo cáo kết quả thực hiện.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - UBND cấp xã. - Các doanh nghiệp, nhà đầu tư.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Từ năm 2026.
66.	Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, lãnh đạo các hội, hiệp hội, doanh nghiệp; đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, phân tích dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương.	- Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ. - Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
67.	Phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nhân lực	- Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp	- Thường xuyên.

	phục vụ công tác tham mưu, tư vấn, quản lý, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung và hệ thống thông tin của các ngành, lĩnh vực.			tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	
68.	Tăng cường thu hút chuyên gia công nghệ số, nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao, các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn đến đầu tư, làm việc tại tỉnh Thanh Hoá; ưu tiên tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, điện toán đám mây, an toàn thông tin...	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền; - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ. - Sở Nội vụ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.
69.	Tiếp tục áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.	- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền; - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Sở Khoa học và Công nghệ.	- Các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh. - UBND cấp xã. - Cơ quan, đơn vị có liên quan.	- Thường xuyên.